

NÂNG QUYỀN CHO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG QUẢN LÝ RỪNG CỘNG ĐỒNG: NHỮNG GIÁ TRỊ RỪNG TÂM LINH TRUYỀN THỐNG

Hồ Viết Hoàng

Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

E-mail: viethoang.vnh@gmail.com

TÓM TẮT

Trong xã hội Cơ Tu, làng là một tổ chức xã hội cơ bản và duy nhất, ở đó không có tổ chức nào lớn hơn hay nhỏ hơn làng. Đặc tính này của xã hội được phản ánh thông qua vai trò chủ sở hữu và quyền quản lý, duy nhất của làng đối với mọi tài nguyên đất và rừng. Trong đó, rừng cộng đồng là một dạng đất công thuộc quyền sở hữu của làng, được quản lý thông qua luật tục - một công cụ hữu hiệu nhằm đảm bảo tính chất sở hữu cộng đồng đối với loại hình tài nguyên quan trọng này. Tất cả mọi thành viên của cộng đồng phải chấp hành mọi quy định/chế tài trong luật tục. Bên cạnh đó, cùng với luật tục và cao hơn luật tục, người Cơ Tu còn được “quản lý” bằng sự “thiêng hóa” bởi hệ thống các Thần linh/Yang. Gắn liền với hình thức sở hữu và quản lý này là loại hình rừng tâm linh - một nguồn tài nguyên mang nhiều giá trị vật chất lẫn tinh thần.

Từ khóa: Rừng cộng đồng; rừng tâm linh; rừng thiêng; rừng ma.

MỞ ĐẦU

Tình trạng rừng bị cháy máu, suy kiệt¹ đang đặt ra nhiều thách thức đối với sự quản lý của Nhà nước. Rất nhiều giải pháp được đặt ra, trong đó có việc tìm hiểu các giá trị truyền thống của người dân về rừng cộng đồng.

Người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế sống dựa vào rừng, gắn bó mật thiết với rừng không chỉ về mặt vật chất, mà còn cả những giá trị tinh thần, tâm linh. Đối với đồng bào, rừng là “một phần bản nguyên của con người”, đó không chỉ là không gian mà còn là thời gian; là sự vĩnh hằng, là cõi vô cùng². “Sống rừng nuôi, chết rừng chôn”, bởi vậy họ sống với rừng bằng tất cả cuộc đời họ có, và bằng sự biết ơn, đoạt lấy rừng bằng rìu và lửa, nhưng không lãng phí cũng chẳng tàn phá, vừa đủ để sinh tồn³. Đối với người Cơ Tu, rừng tâm linh là kho dự trữ

¹ Năm 1943, Việt Nam có khoảng 14.350.000 ha rừng với độ che phủ 43,7% thì đến năm 1990 chỉ còn lại 9.175.000 ha với độ che phủ 28% diện tích đất rừng trong cả nước. Năm 2000, nhờ những nỗ lực to lớn trong công tác phục hồi rừng và trồng rừng, diện tích rừng đã tăng lên 10.905.292 ha với độ che phủ 33,2%. Đến nay, diện tích rừng vào khoảng 12.307.000 ha với độ che phủ là 36,7% [Lê Trọng Cúc (2007). *Phát triển bền vững vùng trung du miền núi Đông Bắc Việt Nam*, Viện nghiên cứu Môi trường, Hà Nội].

² Nguyễn Ngọc (2005). *Tản mạn & nhớ quên*, Nxb Văn Nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 64.

³ Nguyễn Tri Hùng (1994). *Truyện cổ Cơ Tu*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 29.

nguồn lương thực dồi dào (rừng đầu nguồn), là nơi họ thể hiện sự thành kính của mình với các đấng Thần linh/*Yang*, là nơi cấm mọi người nếu không có phận sự thì không được đến (rừng cấm) và còn là nơi họ chôn người chết, trả linh hồn người chết về với rừng (rừng ma) ...

Chính niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người Cơ Tu đối với rừng tâm linh đã giúp họ bảo tồn và phát triển những khu rừng tâm linh trong quá trình lịch sử tộc người. Đặc biệt là việc bảo tồn và phát triển những cánh rừng tự nhiên nguyên sinh cuối cùng còn sót lại. Tuy nhiên, việc duy trì, bảo tồn và phát huy rừng tâm linh như thế nào, để tránh những mê tín, dị đoan, tránh các hủ tục lạc hậu; tránh những xung đột giữa quan niệm về sở hữu đất đai truyền thống với luật pháp hiện hành và đặc biệt là đánh giá địa vị của người dân trong xây dựng rừng cộng đồng hiện nay là một trong những vấn đề đang đặt ra cấp thiết ở vùng miền núi.

1. Trong rất nhiều loại đất công của cộng đồng làng Cơ Tu, rừng tâm linh⁴ là một loại đất công đặc thù, có giá trị rất cao cả về vật chất lẫn tinh thần

Bảng 1. Các loại đất công, rừng cộng đồng⁵ của người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế

TT	Các loại hình đất công truyền thống	Thuộc sở hữu	
		Tập thể	Cá nhân
1	Rừng già, rừng đầu nguồn	X	-
2	Nguồn nước sông suối, khe	X	-
3	Rừng, đất chôn tá	X	-
4	Đất canh tác trồng trọt	-	X
5	Rừng và đất sinh hoạt cộng đồng	X	-
6	Đất thổ cư, sinh hoạt gia đình	-	X
7	Rừng tâm linh (thiên, ma)	X	-

Nhìn vào bảng tổng hợp chúng ta thấy rằng, vai trò sở hữu của tập thể, cộng đồng đối với các loại đất công nói chung và rừng tâm linh⁶ (rừng thiêng⁷, rừng ma⁸) nói riêng là rất lớn,

⁴ Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến hai loại của rừng tâm linh: rừng thiêng và rừng ma.

⁵ Thuật ngữ rừng cộng đồng được Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) lần đầu tiên định nghĩa vào năm 1991 với nội dung: “diễn tả hàng loạt các hoạt động gắn người dân với rừng, cây, các sản phẩm của rừng và việc phân chia lợi ích các sản phẩm này”.

Các hình thức quản lý rừng trực tiếp bởi cộng đồng đã xuất hiện từ lâu trong đời sống các cộng đồng dân tộc ở Việt Nam. Truyền thống quản lý rừng của họ được thể hiện ở những lệ tục giữ rừng, trồng cây, xây dựng hương ước/ luật tục bảo vệ rừng, bảo vệ cây cối của nhiều làng xã. Về mặt pháp lý, "Cộng đồng dân cư thôn là toàn bộ các hộ gia đình, cá nhân sống trong cùng một thôn, làng, bản, ấp, buôn, phum, sóc hoặc đơn vị tương đương" (Điều 3, Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004). Do đó, để quản lý tài nguyên rừng một cách hiệu quả và bền vững, không thể bỏ qua việc phát huy vai trò của cộng đồng người dân sống gần rừng trong việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Phát huy vai trò tham gia của các cộng đồng trong việc quản lý nguồn tài nguyên này vừa mang ý nghĩa phát huy truyền thống dân tộc vừa có thể tạo ra một cách quản lý rừng có hiệu quả và bền vững hơn [Nguyễn Quang Hoà Anh (2009). Quản lý tài nguyên rừng thông qua loại hình rừng cộng đồng ở Thừa Thiên Huế, *Bản tin Kiểm lâm Việt Nam*, số 01, 02].

⁶ Rừng tâm linh (rừng thiêng, rừng ma) là một loại rừng có tính phổ biến đối với nhiều tộc người ở Nam và Đông Nam Á [Conklin, H.C. (1980), *Ethnographic atlas of the Ifugao: a study of environment culture and society in Northern Luzon*. Yale University Press. New Haven. USA] và rộng ra là một hiện tượng có tính toàn cầu [Das, Harish Chandra (1997), *Local Knowledge of Forest and Forest Uses among Tribal Communities in India*. Department Wald-und Holzforschung, Zurich]. Loại rừng này không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế ở phương diện khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên; duy trì và tạo ra các môi trường diễn xướng mang tính lễ hội, lễ nghi tín ngưỡng, gắn với các phong tục tập quán, các kiêng cử trong sinh hoạt, sản xuất, ứng xử... về mặt văn hóa, xã hội; mà còn có ý nghĩa về mặt môi trường - là một dạng của lâm nghiệp theo hướng bảo tồn [Pandey, Deep Naragan (1998), *Ethnoforestry: Local knowledge for sustainable forestry and livelihood security*. New Delhi: Himanshu Publications].

trong khi vai trò sở hữu của cá nhân lại rất mờ nhạt, bị chìm đi trong vai trò tập thể. Đối với người Cơ Tu, làng là chủ sở hữu và quản lý tất cả mọi tài nguyên đất và rừng. Có thể nói, rừng và đất rừng là tài nguyên quan trọng nhất, chi phối mọi hoạt động của đồng bào, từ đời sống vật chất đến tinh thần. Rừng là kho dự trữ cung cấp cho con người những giá trị vật chất (trên các phương diện: ăn, mặc, ở, phương tiện đi lại); là cái văn hoá, cái sáng tạo của con người trong thế ứng xử với tự nhiên và xã hội⁹. Như vậy, rừng là một dạng đất công, do làng quản lý. Tất cả mọi cá nhân trong cộng đồng làng phải chấp hành mọi quy định/chế tài được cha ông đúc kết thông qua luật tục. Đó cũng là cơ sở để làng quản lý “rừng cộng đồng” một cách hiệu quả, nhất là rừng tâm linh. Mặt khác, trong các loại đất công, rừng tâm linh là một loại đất công đặc thù, vì nó không những chịu sự sở hữu, quản lý của cộng đồng làng, mà cao hơn thế, là sự sở hữu, quản lý của Thần linh. Nó là “không gian xã hội” đặc biệt, là những đám rừng nguyên sinh tự nhiên cuối cùng còn sót lại của làng miền núi, là nơi con người không được vào khai thác tài nguyên, thậm chí không được/không dám bước chân vào khi chưa có sự đồng ý của Thần linh^{10, 11}.

2. Các quyền trong hưởng dụng rừng tâm linh

Hưởng dụng đất là một thuật ngữ rộng, thể hiện các mối quan hệ xã hội có liên quan đến đất đai. Hưởng dụng đất bao gồm các loại quyền: quyền tiếp cận, quyền thu hồi, quyền loại trừ, quyền quản lý và quyền chuyển nhượng. Đối với người Cơ Tu, rừng tâm linh có các quyền sau:

Bảng 2. Các quyền đối với rừng tâm linh của người Cơ Tu

RTL	Quyền tiếp cận			Quyền khai thác			Quyền quản lý			Quyền loại trừ			Q. chuyển nhượng		
	Cá nhân	Tập thể	Ngoài làng	Cá nhân	Tập thể	Ngoài làng	Cá nhân	Tập thể	Ngoài làng	Cá nhân	Tập thể	Ngoài làng	Cá nhân	Tập thể	Ngoài làng
RT	X	X	X	0	0	0	0	X	0	X	X	0	0	0	0
RM	X	X	X	0	0	0	0	X	0	X	X	0	0	0	0

⁷ Rừng thiêng được hiểu là loại rừng có sự trú ngụ của các vị thần linh đầy quyền năng mà con người ngưỡng vọng, sùng kính, là loại rừng có nhiều cây to (thường ở đầu nguồn nước), là nơi ở của các loài động vật hung dữ (rắn trắng, trăn to, thường luồng, hổ...). “Rừng thiêng (hay rừng ma) là nơi trú ngụ của các *Yang*, không ai được động đến, thường là rừng đầu nguồn. Đây thực chất là kinh nghiệm giữ rừng đầu nguồn được tích lũy lâu đời của người dân, bọc bên ngoài một lớp vỏ tín ngưỡng” [2, tr. 155].

⁸ Rừng ma/nghĩa địa là nơi chôn cất người chết của các tộc người thiểu số ở miền núi. Đó là không gian linh thiêng của thần linh, của ông bà tổ tiên (rừng ma của người chết tốt), nhưng đồng thời cũng là không gian của ma quỷ, ác thần (rừng ma chôn người chết xấu).

⁹ Jacques Dournes (2002). *Rừng, dân bà, diên loạn*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr. 10.

¹⁰ Tính chất tâm linh cũng được bắt nguồn từ chính sự bất lực của người Cơ Tu trước các sự vật kỳ lạ, hiện tượng kỳ bí, tự nhiên hùng vĩ,... dẫn đến sự “thiên hoá” vạn vật (vạn vật hữu linh).

¹¹ Đối với đồng bào Cơ Tu, *Yang* có mặt, trú ngụ, bủa vây khắp mọi nơi từ sông, suối, núi, rừng, cây, đá... đến những vật lạ xuất hiện không bình thường và nhất là những gì liên quan đến thế giới người chết. Đó cũng chính là quan niệm về vạn vật hữu linh (mọi vật đều có linh hồn) tồn tại sâu đậm và dai dẳng của người Cơ Tu trong suốt chiều dài lịch sử tộc người. Quan niệm về vũ trụ, vạn vật hữu linh là nguồn gốc ra đời của rừng thiêng, rừng ma (rừng tâm linh) - loại rừng dù đã qua bao nhiêu thời gian nhưng đến nay vẫn còn hiện hữu trong ý thức và trong đời sống của người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.1. Quyền quản lý

Trong tổ chức xã hội cổ truyền của người Cơ Tu, Hội đồng già làng là tổ chức cao nhất, nắm quyền sở hữu và quản lý đất công, rừng cộng đồng. Mặt khác, bên cạnh sở hữu của làng, của tập thể thì hình thức sở hữu cá nhân (do quyền đầu tiên đem lại) cũng đã xuất hiện nhưng không đáng kể (xem thêm bảng 1).

Cộng đồng làng quản lý chung về rừng tâm linh và trên cơ sở đó, cộng đồng làng giao cho các dòng họ chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ các khu rừng tâm linh. Các dòng họ phải có trách nhiệm giáo dục cho con em trong dòng họ mình biết những cấm kỵ, luật tục liên quan đến rừng tâm linh. Nếu không, khi một cá nhân vi phạm (xâm phạm, chặt phá, lấy cắp sản vật... từ rừng tâm linh) thì trước hết, cá nhân đó phải chịu phạt trước cộng đồng làng, nhưng đồng thời, dòng họ cũng chịu trách nhiệm liên đới vì không giáo dục, răn dạy cá nhân đó nên xảy ra vi phạm đối với rừng tâm linh.

Mặc dù, rừng tâm linh là một dạng đất công đặc thù của cộng đồng, chịu sự sở hữu và quản lý của cộng đồng làng thông qua luật tục, nhưng với tất cả người Cơ Tu đều hiểu rằng, Thần linh mới là người sở hữu tối cao nhất, quản lý cao nhất. Chính vì thế, không ai trong cộng đồng làng được phép tiếp cận (trừ những lúc vào cúng lễ), khai thác cũng như sở hữu riêng rừng tâm linh cho cá nhân.

2.2. Quyền tiếp cận

Từ thực tế vấn đề sở hữu rừng tâm linh của thần linh thông qua sự “thiên hóa”, luật tục, đã quyết định đến các quyền khác, trong đó có quyền tiếp cận. Theo Thomas Sikor, quyền tiếp cận là “quyền đi lại trên một mảnh đất”¹². Với nghĩa đó, con người có quyền ra vào bất cứ nơi đâu, ở các khu vực địa lý khác nhau để tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, trong không gian rừng tâm linh - không gian của các Thần linh, quyền tiếp cận của người Cơ Tu lại có những đặc điểm riêng, mang tính “thiên hoá” các niềm tin:

- Vào “rừng thiêng” để làm lễ cúng, báo cáo, xin ý kiến và đồng thời mời Thần linh về tham dự buổi nghi lễ tại làng (thường diễn ra ở không gian nhà *gwol* của làng). Việc đi vào và đi ra khỏi rừng thiêng phải tuân theo quy định rõ ràng: phải có hai con đường riêng biệt, không được dùng chung một con đường vì như vậy sẽ đưa những thế lực xấu (ác quỷ) đến phá hoại không gian của Thần linh.

- Đối với “rừng ma”, việc tiếp cận có thể dễ dàng hơn, do ngoài việc chôn cất người chết cần đến nhiều nhân lực, việc thực hiện lễ “bỏ mả” đã huy động toàn bộ cộng đồng làng cùng tham gia (đối với người chết tốt, còn người chết xấu thì không thực hiện nghi thức này). Do tâm lý lo sợ ác quỷ, linh hồn người chết cứ quanh quẩn trong dân làng, gây nên nhiều tai họa cho dân làng, nên người Cơ Tu không dám/ít khi tiếp cận rừng ma nếu như không có việc gì

¹² Thomas Sikor (2003). Những khái niệm cơ bản và các vấn đề trong nghiên cứu hương dựng đất, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 14 - 25.

quan trọng. Việc tiếp cận rừng ma của người Cơ Tu chỉ mang tính cưỡng bức trước các nghi lễ bắt buộc của dân làng đối với người chết.

2.3. Quyền khai thác

Về cơ bản, rừng tâm linh là những khu rừng cấm khai thác. Ở đó, tất cả mọi người đều không được quyền khai thác hay đem bất cứ sản vật gì ra ngoài. Tuy nhiên, do nhu cầu cần thiết phục vụ cho những mục đích tâm linh như các nghi lễ như đâm trâu, bỏ mả,... nên trong một số trường hợp, cộng đồng làng cần vào rừng thiêng, rừng ma (để lấy gỗ làm cột tể, làm tượng nhà mồ, làm quan tài, ...). Muốn vậy, già làng phải đứng ra xin phép Thần linh và phải thực hiện một số nghi lễ. Các nghi lễ này diễn ra rất thành kính dù có thể không cần nhiều lễ vật nhưng phải thể hiện thái độ tôn trọng, không được xâm phạm đến Thần linh dưới bất kỳ hình thức nào, nếu không, Thần linh sẽ theo các lễ vật đó về bản làng và trừng phạt bản làng một cách rất nặng nề và nghiêm khắc.

Hộp 1. *Chàng trai vào rừng đi săn, đặt bẫy thú rừng. Lúc sau, nghe tiếng con heo rừng kêu, chàng quay lại và thấy con heo rừng đã bị sập bẫy. Tuy nhiên, nó vẫn cố vùng chạy để trốn thoát. Chạy được một đoạn, con heo rừng đứng lại và lẩn đùng ra đất. Chàng trai chứng kiến điều đó nhưng không tài nào dám tiến lại chỗ của nó. Vì chỗ đó là khu vực thiêng, không ai có thể vào được. Cuối cùng anh ta phải trở về làng với 2 bìa tay trắng.*

Già làng Con Thom (Thôn La Vân, xã Thượng Nhật, huyện Nam Đông)

Nội dung câu chuyện phản ánh thực tế, rừng tâm linh là khu vực cấm khai thác đã được quy định trong luật tục, hơn thế nó còn được “thiêng hóa” trong ý thức và hành động hàng ngày của người Cơ Tu.

2.4. Quyền loại trừ

Là quyền định đoạt ai được tiếp cận, ai được phép chặt cây (cho phép hoặc không cho phép ai khai thác cây trong khu rừng, ngăn chặn hoặc bắt người vi phạm chặt cây không có phép)¹³. Đối với người Cơ Tu trong luật tục cũng như trong sự “thiêng hóa” rừng tâm linh đã quy định/“quy ước” rất cụ thể:

- Các đối tượng được tiếp cận rừng tâm linh, bao gồm già làng, thầy cúng, các thanh niên nam khỏe mạnh. Người phụ nữ và đặc biệt người phụ nữ mang thai không được phép vào rừng tâm linh. Những người bị phạm tội trước đó cũng không được phép bén mảng đến các khu vực rừng tâm linh, vì bản thân những người đó không tốt đẹp, bị hoen ố tinh thần. Đối với khu rừng ma, trước khi chôn người chết, già làng sẽ tập hợp một số người già, thầy cúng, thanh niên khỏe mạnh chọn vị trí chôn người chết, sau đó tiến hành đào hố. Công việc này đòi hỏi toàn bộ cộng đồng cùng tham gia: Người đàn ông làm nhà mồ, tượng nhà mồ, khiêng người chết,... người phụ nữ lo nấu nướng, tham gia các điệu nhảy múa.

¹³ Trần Ngọc Thanh (2003). “Phân quyền có ảnh hưởng đến tổ chức quản lý rừng địa phương hay không”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 26 - 35.

- Trong một số điều kiện cụ thể, thần linh cho phép cộng đồng làng khai thác, sử dụng một số sản vật của rừng tâm linh, như: cây gỗ lớn để làm cột (cột tế) trong nghi lễ đâm trâu/ăn trâu; dây dài để nối từ nhà *grol* đến đỉnh của cột tế (biểu thị cho đường đi của thần linh); lấy gỗ để làm nhà mồ, làm tượng nhà mồ; ...

Như vậy, những quy định trong luật tục, những “quy ước” mang tính “thiên hóa” về rừng tâm linh là cơ sở hình thành quyền loại trừ trong tâm thức của mỗi người Cơ Tu.

2.5. Quyền chuyển nhượng

Đối với rừng tâm linh, người Cơ Tu không bán, không chuyển nhượng. Bởi trước hết, đất đai, tài nguyên của làng thuộc sở hữu của Thần linh. Mặt khác, đất công, rừng cộng đồng là tài sản chung của cộng đồng làng, không ai có quyền sở hữu riêng cho cá nhân. Vì thế, đối với việc chuyển nhượng (bán, cho thuê), phải được sự cho phép của thần linh và của cả cộng đồng làng. Việc bán, cho thuê đối với rừng tâm linh (nhất là rừng thiêng) rất kiêng kỵ trong quan niệm của người Cơ Tu. Không có chuyện *buôn thần bán thánh* trong bất cứ trường hợp nào.

Như vậy, quyền chuyển nhượng rừng tâm linh (bán, cho thuê) của đồng bào Cơ Tu về thực tế là không tồn tại, vì tất cả rừng tâm linh đều là không gian linh thiêng, không ai (kể cả cộng đồng làng) có quyền chuyển nhượng nó. Mặt khác, sự “thiên hóa” là hết sức cao cả nên người Cơ Tu không thể đánh mất/giảm bớt/chia sẻ sự “thiên hóa” đó cho các đối tượng khác.

3. Thách thức trong hưởng dụng rừng tâm linh

3.1. Thách thức trong ý thức/quan niệm và hiện thực

Văn hóa truyền thống của người Cơ Tu đang ngày càng biến đổi, do nhiều nguyên nhân đem lại. Điều này gây ra sự nhiễu động, biến đổi về thế giới quan của người Cơ Tu, đồng thời cũng khiến đồng bào đang phải đứng trước một thách thức lớn: mâu thuẫn giữa các hoạt động sống mang tính chất huỷ diệt tài nguyên rừng và niềm tin tôn giáo đối với rừng tâm linh ít nhiều bị lung lay, hay sự hao mòn các quan niệm thiêng trong quản lý tài nguyên rừng. Ví dụ: ngoài hệ thống Thần linh còn có sự xuất hiện các niềm tin, tín ngưỡng khác¹⁴ như thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các anh hùng dân tộc, thờ Bác Hồ; khi nói về các khu rừng tâm linh, đồng bào vẫn giữ thái độ tôn nghiêm, nhưng đồng thời vì lợi nhuận kinh tế, họ cũng sẵn sàng vào khai thác những sản vật từ rừng tâm linh¹⁵ (đặc biệt là các khu rừng tâm linh của các làng ở xa nơi cư trú của họ); niềm tin làm giàu bằng sinh kế bền vững, niềm tin từ sự hỗ trợ của các thiết chế xã hội mới (giáo dục, y tế, giao thông...), niềm tin về sự tồn tại song hành của nhiều cộng đồng rộng lớn

¹⁴ Trước đây, việc chôn người chết trong các khu rừng ma được tiến hành chu đáo theo những cách thức, nghi lễ khác nhau tùy thuộc vào từng trường hợp chết tốt hay chết xấu. Còn hiện nay, họ không còn phân biệt là chết tốt hay chết xấu. Công đoạn này được tiến hành một cách bừa bãi, gây ra hiện tượng ô nhiễm môi trường, mồ mã được xây dựng bằng xi măng, sắt thép thay vì các nhà mồ, tượng nhà mồ bằng gỗ...

¹⁵ Một số người dân bất chấp những luật thiêng đã định từ xa xưa, không còn xem việc vào rừng thiêng, rừng ma là điều cấm kỵ. Họ vào các khu rừng tâm linh lấy gỗ quý, săn bắn động vật, đánh bắt cá bằng mìn, tìm trầm, dược liệu, thậm chí còn để đào bới những hiện vật quý được chôn cùng người chết. Các hoạt động này càng diễn ra mạnh hơn khi có sự xuất hiện, cổ xúy và tham gia của nhóm người đến từ bên ngoài.

khác bên ngoài trung tâm làng của họ cũng đồng thời làm giảm dần đi sự lệ thuộc của người Cơ Tu vào sức mạnh và sự chi phối của Thần linh.

Hộp 2. *Nhà em làm lễ cúng những khi gặp hoạn nạn, nhưng nếu ngày trước phở mặc cuộc sống cho Yang, thì bây giờ không như thế nữa. Nhờ dân làng, trưởng thôn, các cán bộ giúp đỡ nên em không còn sợ đói, cũng không sợ đau ốm, bệnh tật nữa.*

Tạ (20 tuổi, thôn A Gông, xã Thượng Long, huyện Nam Đông)

Như vậy, người Cơ Tu không còn tin vào rừng tâm linh theo cách như trước đây. Trong ý thức/quan niệm của họ vẫn khẳng định sự tồn tại và đề cao vai trò Thần linh - vị thần tối cao, nhưng trong hiện thực, họ lại có những hành động làm phá vỡ, suy kiệt các giá trị của đất rừng tâm linh truyền thống, trong đó có các quyền trong hưởng dụng đất.

3.2. Thách thức trong cách thức quản lý và trong sở hữu

Các thách thức về hưởng dụng đất, rừng không chỉ nảy sinh từ sự khác biệt giữa pháp luật và các hưởng dụng địa phương mà còn là các thách thức địa phương (sở hữu, quản lý) về đất rừng và các nguồn tài nguyên [3, tr.15].

3.2.1. Trong sở hữu

Rừng tâm linh trước đây tồn tại dưới hai hình thức sở hữu: sở hữu cá nhân và sở hữu cộng đồng: *hai hình thức này tồn tại song song, phản ánh tính chất “lưỡng phân” nhưng lại có vị trí nặng nhẹ, cao thấp khác nhau trong quan niệm sở hữu truyền thống*. Tuy nhiên, hình thức sở hữu lớn nhất, bao trùm nhất là sở hữu của cộng đồng làng¹⁶.

Khi Nhà nước áp dụng một mô hình quản lý hành chính thống nhất từ Trung ương đến địa phương, rừng tâm linh của người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế không còn thuộc sở hữu của cộng đồng làng như trước đây nữa, thay vào đó đã hình thành các loại hình sở hữu khác nhau: sở hữu Nhà nước (là sở hữu tối cao và bao trùm), sở hữu tập thể và sở hữu cá nhân. Nhà nước giao đất giao rừng cho nhiều chủ thể khác nhau thuộc các loại hình sở hữu này nhằm quản lý trực tiếp tài nguyên rừng tại từng địa bàn¹⁷.

Ở Thừa Thiên Huế, các chủ thể tham gia quản lý rừng trực tiếp bao gồm: Nhà nước (Vườn Quốc gia Bạch Mã, Ban quản lý rừng phòng hộ, Khu bảo tồn Sao La), cộng đồng, nhóm

¹⁶ Với họ, đất đai, rừng là của chung, người chủ tối cao của rừng tâm linh là cặp thực thể trừu tượng, một thực thể xã hội và một thực thể mang nặng tính thiêng: *làng* - chủ sở hữu cao nhất về mặt thực hiện (thông qua già làng, làng thể hiện quyền sở hữu các khu đất, rừng, quyền phân chia rừng cho các thành viên trong làng, quyền giải quyết các mâu thuẫn liên quan đến tranh chấp rừng...); Thần linh - chủ sở hữu tối cao về mặt tinh thần. Các quyền thực thi của làng đối với đất, rừng tâm linh phải thông qua với Thần linh (nếu người dân trong làng muốn khai thác khoanh rừng nào đó trước hết phải thông qua ý kiến của chủ làng/chủ đất (già làng), sau khi chủ làng/chủ đất thực hiện các nghi lễ báo cáo dâng Thần linh, xin phép các Thần linh thì họ mới được tiến hành khai thác). Con người - Già làng - Thần linh là mối quan hệ cơ bản trong đời sống của các dân tộc thiểu số ở miền núi nước ta nói chung và người Cơ Tu nói riêng.

¹⁷ Các chủ thể được giao đất, giao rừng hiện nay rất đa dạng. Họ có thể là các đơn vị đại diện cho Nhà nước đứng ra quản lý trực tiếp nguồn rừng; cũng có thể là cá nhân, nhóm, tập thể, đơn vị: hộ gia đình, nhóm hộ, lâm trường, cộng đồng, UBND xã, doanh nghiệp, thậm chí hiện nay các dự án của nước ngoài đã tham gia vào việc thuê rừng phòng hộ.

hộ, hộ gia đình, UBND xã. Trong đó, diện tích đất lâm nghiệp được phân cho chủ thể Nhà nước và các chủ thể khác trội hơn rất nhiều so với chủ thể cộng đồng dân cư thôn. Thực tế này không chỉ diễn ra trên địa bàn của người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế, mà còn diễn ra ở nhiều tộc người thiểu số trên đất nước Việt Nam. Khi bàn về vấn đề này, tác giả Nguyễn Ngọc đã nói “*Trong luật đất đai có ghi quyền giao đất cho các tổ chức xã hội, kể cả các đơn vị bộ đội, các xí nghiệp... cũng được coi là đơn vị xã hội, trong khi thôn, bản, tức là làng thì không; không được giao đất giao rừng cho thôn, bản, tức làng, vì nó không phải là một “tổ chức xã hội”!*”¹⁸.

Loại hình sở hữu Nhà nước và sở hữu tập thể đối với đất công lại chưa đủ mạnh do các chế tài, lực lượng triển khai vai trò sở hữu này còn quá mỏng, khiến cho loại đất rừng này gần như trở nên vô chủ. Trong khi đó, sở hữu cá nhân phát triển ồ ạt đã dẫn đến tình trạng đất công, trong đó có rừng tâm linh, ngày bị khai phá và lấn chiếm.

3.2.2. Trong quản lý

Theo quan niệm của đồng bào, tài nguyên rừng nói chung và rừng tâm linh nói riêng là tài sản chung của cộng đồng, do cộng đồng làng quản lý. Ở đó, không có tổ chức quản lý nào lớn hơn hay nhỏ hơn làng. Làng là tổ chức cơ bản và duy nhất. Để quản lý các vấn đề của làng, cộng đồng bầu ra Hội đồng già làng. Đây là cơ quan quản lý cao nhất, tham mưu cho Già làng và đề ra các quy định, chế tài trong luật tục, hương ước của làng.

Nhưng cùng với sự xuất hiện của Nhà nước và vai trò của Nhà nước trong quản lý và bảo vệ rừng (thông qua các văn bản Luật, thông qua việc trao quyền, phân cấp...) đã dẫn đến những thay đổi cơ bản thông quản lý và bảo vệ rừng hiện nay¹⁹. Hiện nay, với sự quản lý thống nhất của Nhà nước, kể từ khi ban hành Luật bảo vệ và Phát triển rừng năm 1991, Nhà nước cho phép giao đất cho các hộ, đồng thời các hộ cũng có quyền cho thuê, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp và chuyển đổi quyền sử dụng diện tích được giao. Đây được coi là “quyết định đột phá” trong việc bảo vệ rừng ở Việt Nam theo hướng phân cấp, phân quyền²⁰. Tuy nhiên, hiệu quả của chính sách này là rừng ngày càng bị thu hẹp, chất lượng rừng ngày càng giảm sút! Nghiên cứu về rừng tâm linh tại địa bàn người Cơ Tu cho thấy các hạn chế trong việc quản lý thông qua quyền pháp lý và quyền thực tế về các mối quan hệ giữa hưởng dụng đất và sử dụng tài nguyên²¹.

¹⁸ Nguyễn Ngọc (2007). *Nguyễn Ngọc tác phẩm*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội, tr. 123.

¹⁹ “Ngày xưa rừng núi là của làng, là tài sản thiêng liêng của cộng đồng làng. Cho nên từ nghìn đời nay họ có truyền thống luôn quyết sống chết giữ gìn sự toàn vẹn, trong sạch và bền vững rừng núi của làng. Còn bây giờ thì hoàn toàn khác, thì ngược lại hẳn rồi: bây giờ toàn bộ rừng núi đã được các tổ chức của Nhà nước, nông trường, lâm trường, kiểm lâm... đứng ra giành lấy hết quyền quản và giữ. Rừng có còn là của họ nữa đâu để họ có ý thức và có quyền được giữ! Họ đã mất đi cái quyền thiêng liêng tự mình gìn giữ đất đai núi rừng của mình rồi. Họ nghĩ rừng bị phá, bị băm nát, bị làm ô uế nhậy nhựa, mất trắng rừng, là việc của Nhà nước, không phải việc của họ” [Nguyễn Ngọc (2007). bđd, tr. 120 - 123].

²⁰ Hệ thống phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng ở Việt Nam hiện nay bao gồm 5 cấp: cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cấp thôn bản.

²¹ Phân biệt giữa quyền pháp lý và quyền thực tế cũng nhằm hiểu rõ hơn các mối quan hệ giữa văn hóa và các mối quan hệ đất đai. Các quyền pháp lý về đất đai tại cộng đồng được quy định rõ ràng trong Luật đất đai. Tuy nhiên, quyền thực tế có thể thay đổi bởi vì nó bị ảnh hưởng bởi các yếu tố văn hóa dân tộc (các nhóm dân tộc khác nhau có những thiết chế xã hội và các mối quan hệ đất đai lịch sử khác nhau, do vậy, các thiết chế xã hội khác nhau có thể dẫn đến sự khác nhau về các mối quan hệ đất đai thực tế) [3, tr. 13].

3.3. Thách thức về giới

Rừng tâm linh là không gian linh thiêng của Thần linh, không ai được phép tiếp cận nếu chưa được sự đồng ý của Thần linh, già làng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định (chuẩn bị cho nghi lễ đâm trâu, làm nhà *gươl*, làm quan tài, nhà mồ...) người đàn ông được phép tiếp cận và khai thác một số sản vật từ khu rừng tâm linh (sau khi già làng làm lễ xin phép Thần linh thông qua nghi lễ) để phục vụ cho cộng đồng làng. Tại khu rừng tâm linh, người phụ nữ không được vào dù bất cứ trong hoàn cảnh nào, đặc biệt đối với người phụ nữ đang mang thai, vì sẽ làm ô uế không gian linh thiêng của Thần linh.

Những tư tưởng, quan niệm đó đã dẫn đến nhiều thách thức về giới trong hướng dựng đất rừng tâm linh nói riêng và các loại đất, rừng công nói chung (thông qua các quyền khác nhau: tiếp cận, khai thác, hưởng lợi...), và nó không chỉ tồn tại trong xã hội truyền thống mà còn thể hiện rất rõ trong xã hội hiện nay thông qua việc phân cấp, phân quyền.

4. Các giải pháp nâng quyền cho người Cơ Tu trong quản lý và phát triển rừng cộng đồng hiện nay

Trên cơ sở phân tích giá trị truyền thống tích cực của người Cơ Tu đối với rừng tâm linh nói riêng, với hoạt động quản lý và bảo tồn tài nguyên rừng nói chung, cũng như chỉ ra những biến đổi theo chiều hướng suy thoái của loại hình rừng này, chúng tôi nhận thấy: nên khơi gợi và khuyến khích những “hàng số giá trị” của rừng tâm linh, bao gồm tính truyền thống lâu đời, tính cộng đồng và tính thiêng; vận dụng nó vào quản lý của Nhà nước đối với tài nguyên rừng hiện nay, giúp Nhà nước vươn cánh tay quyền lực đến từng khoảnh đất, khoảnh rừng một cách mạnh hơn nữa nhưng vẫn đạt được sự đồng thuận của các nhóm người sống gần rừng. Đó cũng là cách vận dụng tập quán truyền thống vào luật pháp của Nhà nước để quản lý tốt hơn, bền vững hơn nguồn tài nguyên vô giá này.

4.1. Xác định vị thế, khôi phục niềm tin của người Cơ Tu trong quản lý và phát triển rừng cộng đồng

Có một tâm lý hiện nay của các tộc người ở miền núi, nếu như trước đây, rừng và các tài nguyên rừng thuộc quyền sở hữu, quản lý của cộng đồng làng. Nhưng, trải qua rất nhiều sự thay đổi của Nhà nước, cùng với những chính sách mới (đặc biệt là chính sách xây dựng kinh tế mới ở miền núi) vô hình chung đã làm thay đổi cả thực tiễn và nhận thức của người dân bản địa. Giờ đây, đất đai, rừng và các tài nguyên rừng đều thuộc quyền sở hữu và quản lý của Nhà nước²². Và trong nhận thức của đồng bào, họ cho rằng: rừng của Nhà nước thì Nhà nước có nhiệm vụ bảo vệ, họ không phải làm việc đó (và từ những người bảo vệ rừng, ứng xử có “văn hoá” với rừng, thì bây giờ, mọi người lại nhìn nhận đồng bào với một vị thế mới, không ai mong muốn: “lâm tặc”. Bởi [i]. rừng không phải của đồng bào, của làng nên họ không bảo vệ; [ii]. họ không có tư liệu, không gian sản xuất nên phải phá rừng!.

²² “Trong luật đất đai có ghi quyền giao đất cho các tổ chức xã hội, kể cả các đơn vị bộ đội, các xí nghiệp... cũng được coi là đơn vị xã hội, trong khi thôn, bản, tức là làng thì không; không được giao đất giao rừng cho thôn, bản, tức làng, vì nó không phải là “một tổ chức xã hội”! [2, tr. 123].

Một thực tế đang diễn ra hiện nay trong vấn đề giao đất, giao rừng là chúng ta xem nhẹ vai trò của chủ thể (người dân bản địa). Chúng ta chỉ biết khoán cho họ mà không có một sự quản lý đúng nghĩa. Vì thế nó dẫn đến tình trạng, hôm nay nhà nước giao đất, giao rừng cho đồng bào (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, rừng) thì ngày mai đồng bào lại đem đi bán. Nên chăng, vấn đề giao đất giao rừng cần phải đặt vai trò của người dân với cộng đồng làng (các già làng) và sự quản lý Nhà nước. Thiết nghĩ, chúng ta nên xây dựng một mô hình làng miền núi, trong đó nhấn mạnh vai trò quản lý của cộng đồng làng, phát huy cơ chế của luật tục trong quản lý, bảo vệ rừng hiện nay²³.

Một vấn đề thú vị, rất được các nhà nghiên cứu dân tộc quan tâm hiện nay, đó là có hay không vấn đề định kiến tộc người, cơ bản giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số²⁴.

4.2. Tăng cường vai trò cộng đồng trong quản lý rừng

Tài nguyên đất, rừng của người Cơ Tu mênh mông, rộng lớn như vậy nhưng đều có chủ. Từ bao đời này, mỗi làng của đồng bào đều có ranh giới rất rõ ràng và không làng nào xâm phạm làng nào. Đó là không gian sống, không gian xã hội, không gian văn hóa tâm linh... của cộng đồng do Thần linh ban phát cho mỗi làng. Vì vậy, đất và rừng đó được đồng bào gìn giữ, bảo vệ và phát triển một cách bền vững bằng luật tục và tính thiêng. Tuy nhiên, hiện nay, đất và rừng thuộc quyền sở hữu và quản lý của Nhà nước. Đồng bào đã mất đi các quyền mà đáng lẽ ra hàng nghìn đời nay họ được hưởng và vì vậy, việc bảo vệ và phát triển rừng, theo họ, không còn là “trách nhiệm” của đồng bào!

Hiện nay, Nhà nước đang bước đầu thực hiện chính sách quản lý trao quyền cho các cộng đồng (nhóm hộ, nhóm sở thích, cộng đồng dân cư thôn), và từng bước cải thiện vai trò pháp lý của đối tượng là cộng đồng. Tuy vậy, địa vị pháp lý, đặc biệt là cộng đồng dân cư thôn chưa thực sự rõ ràng²⁵, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tài nguyên rừng. Trước thực tế đó, chúng tôi đưa ra một số giải pháp sau đây để nhằm cải thiện hơn nữa tính cộng đồng trong quản lý rừng trên nhiều phương diện:

- Giữ gìn nguyên vẹn loại hình rừng cộng đồng truyền thống do cộng đồng tự công nhận từ lâu đời.

- Tăng cường địa vị pháp lý cho cộng đồng dân cư thôn.

- Tăng cường giao rừng cho cộng đồng.

Giao rừng cho cộng đồng ở Thừa Thiên Huế chưa thực sự phổ biến, đặc biệt là cho cộng đồng dân cư thôn. Điều đó đòi hỏi phải củng cố địa vị pháp lý cho cộng đồng dân cư thôn.

²³ Thực tế tại địa bàn nghiên cứu của chúng tôi (xã Thượng Long, Thượng Quảng, Thượng Nhật, Thượng Lộ, Hương Hữu, Hương Sơn của huyện Nam Đông) đã cho thấy việc xây dựng mô hình làng miền núi hiện nay rất khả thi: [i]. Các xã này có số dân đồng bào Cơ Tu chiếm đa số (trên 85%); [ii]. Vai trò của già làng còn lớn (hiện nay chủ yếu về mặt tinh thần); [iii]. Trong truyền thống đã có, bây giờ chúng ta khơi dậy mà thôi.

²⁴ Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2013). *Thiểu số cần tiến kịp đa số: Định kiến trong quan hệ tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Giao thông vận tải, Hà Nội.

²⁵ Vì chưa hội đủ các điều kiện để trở thành một pháp nhân, nếu xảy ra tranh chấp, vi phạm pháp luật thì cơ quan pháp luật không thể giải quyết được.

Khi đã có địa vị pháp lý, cộng đồng dân cư thôn sẽ phát huy tốt vai trò của tập quán, truyền thống vốn có. Đặc biệt, những đối tượng rừng dưới đây, nếu trao cho các chủ thể ngoài cộng đồng dân cư thôn sẽ rất khó để phát huy hiệu quả quản lý (đặc biệt là rừng tâm linh) như:

- Rừng thiêng, rừng ma, do cộng đồng tự công nhận từ lâu đời.
- Rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng.
- Rừng cung cấp gỗ làm nhà ở hoặc các lâm sản thiết yếu.
- Rừng xa khu dân cư, nơi tiếp giáp giữa các thôn, xã.

Trong giao rừng, nên ưu tiên giao cho những cộng đồng sống gần rừng, đồng nhất về thành phần dân tộc (sẽ tạo sự đồng thuận trong quản lý dựa trên các tập quán) và thực sự muốn nhận rừng, đồng thời hỗ trợ cộng đồng sau khi giao rừng.

- Kết hợp quản lý chính thống và quản lý phi chính thống.

4.3. Phát huy vai trò của luật tục và cơ chế thiêng hóa

Rừng tâm linh của người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế được quản lý một cách hiệu quả trên cơ sở niềm tin tôn giáo, thông qua hình thức “thiêng hóa”. Chính cơ chế “thiêng hóa” đã chi phối mạnh đến các quyền của con người đối với rừng tâm linh, khiến cho các cấm kỵ liên quan đến rừng tâm linh tồn tại một cách bền bỉ qua các lớp thời gian và cấu trúc xã hội²⁶.

- “Thần linh pháp quyền”

Xây dựng một nền tảng pháp luật mà trong đó gắn liền với cấp quản lý, kết hợp hài hòa giữa tính cưỡng chế của các chế tài pháp luật và tính thiêng của các luật tục, hay nói cách khác, đó là sự mô phỏng, vận dụng của mô hình “thần linh pháp quyền”²⁷, khơi gợi những giá trị của tập quán truyền thống vào quản lý tài nguyên rừng hiện nay.

- Sử dụng luật tục trong quản lý rừng.
- Vận dụng “đạo đức rừng”, “văn hóa rừng”

Người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế bao đời nay sống dựa vào rừng: *sống rừng nuôi, chết rừng chôn*. Vì vậy, rừng đối với họ không chỉ là mối quan hệ giữa cái tự nhiên (rừng) với cái xã hội (con người), mà nó còn mang tính thiêng liêng, niềm tin vào thần linh - thế giới của các Thần linh. Vì thế, rừng tâm linh vừa là không gian, thời gian hữu hình, nhưng đồng thời là không gian, thời gian vô hình - không gian linh thiêng, nơi trú ngụ của thần linh. Do vậy, rừng tâm linh là thứ tài sản quý giá nhất, quan trọng nhất không chỉ của cộng đồng làng mà ngay cả

²⁶ “Mối quan hệ bất phân ly giữa đời sống thường nhật của từng thành viên trong làng với sự giám sát thường xuyên của Thần linh, mà những hành vi được xem là phạm tội (vi phạm luật tục), luôn được dân làng kiêng tránh một cách tự giác, bởi có thể đối người, đối mình nhưng không thể đối thần, đối thánh, thậm chí, mỗi cá nhân không có được cái quyền “mình làm mình chịu”, vì sự trừng phạt luôn dành lên cả gia đình, dòng họ” [Nguyễn Hữu Thông (2003). *Văn hóa làng miền núi trung bộ Việt Nam – giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử* (Dẫn liệu từ miền núi Quảng Nam), Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 224].

²⁷ Nguyễn Ngọc (2007). bdd, tr. 109.

trong bản thân mỗi cá nhân của cộng đồng. Sự “thiên hoá” các niềm tin vào rừng tâm linh chính là lối ứng xử có “văn hoá”, có “đạo đức” [2] đối với rừng cộng đồng nói chung và rừng tâm linh nói riêng của người Cơ Tu, Tà ôi. Vì vậy, rừng là một thực thể không thể thiếu đối với các dân tộc thiểu số ở miền núi, bởi mất rừng, cũng giống như *người đàn bà điên loạn*: “Họ sẽ trở thành điên nếu thiếu “rừng thực”, một thứ điên khô khốc, tàn rụi, vì bị cắt đứt cội nguồn, không còn nghe được từ trong chiều sâu thăm thẳm của chính mình tiếng gọi cuốn hút ghê gớm của cô gái - rừng, của tự nhiên hoang dã nữa. Họ không còn huyền thoại nữa, không còn nghe, không còn kể, không còn tiếp tục sáng tạo ra huyền thoại. Họ sẽ trở thành điên nếu để cho rừng tràn ngập và chiếm hết mình, cái hoang dã tràn lấn trở lại, không tự phân biệt được mình với rừng, thuần hóa cái phần rừng để làm người của mình. “bằng rừ và lửa”. Ngọn lửa của trí tuệ và văn minh...”²⁸. Do vậy, mất rừng không chỉ mất đi cái tự nhiên, cái vật chất - kho lương thực dồi dào, mà mất rừng cũng chính mất đi cái văn hóa, cái tinh thần của người miền núi.

“Đạo đức rừng”, “văn hóa rừng” là lối ứng xử chuẩn mực đã có từ lâu đời của các dân tộc thiểu số đối với rừng. Các chuẩn mực đó gắn liền với việc tôn thờ và bảo vệ không gian rừng, các tài nguyên từ rừng cũng như sử dụng các tài nguyên đó một cách có “đạo đức”. “Văn hóa rừng”, “đạo đức rừng” rất gần với lý thuyết phát triển rừng bền vững mà chúng ta đang đặt ra rất ráo hiện nay, vì thế, rất nên lồng ghép các chuẩn mực “đạo đức rừng”, “văn hóa rừng” vào các điều luật quản lý rừng hiện nay, góp phần hiện thực hóa mục đích tối cao của quản lý Nhà nước đối với rừng: bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

KẾT LUẬN

Rừng tâm linh của người Cơ Tu ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng, của các dân tộc thiểu số khác ở Việt Nam nói chung không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế (ở phương diện khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên) cũng như văn hóa, xã hội (duy trì và tạo ra các môi trường diễn xướng mang tính lễ hội, lễ nghi tín ngưỡng, gắn với các phong tục tập quán, các kiêng cử trong sinh hoạt, sản xuất, ứng xử) mà còn có ý nghĩa về mặt môi trường và quản lý tài nguyên (giữ gìn hệ sinh thái rừng tự nhiên).

Trên cơ sở các giá trị tích cực của rừng tâm linh đối với cuộc sống của đồng bào người Cơ Tu, việc duy trì, bảo tồn và phát triển những khu rừng tâm linh, nhất là vấn đề hưởng dụng đất công nhằm nâng quyền cho cộng đồng là một giải pháp hữu hiệu để xây dựng, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng bền vững hiện nay.

²⁸ Jacques Dournes (2002), bdd, tr. 11.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Xuân Hồng và các cộng sự (2010). Sở hữu của làng đối với rừng cộng đồng truyền thống trong các dân tộc thiểu số ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế: Rừng tâm linh, *Hội thảo phát triển bền vững vùng núi Việt Nam*, Đại học Nông lâm Huế, tr. 1 - 20.
- [2]. Nguyễn Ngọc (2008). Phát triển bền vững ở Tây Nguyên, *Nông dân, nông thôn & nông nghiệp: Những vấn đề đang đặt ra*, Nhà xuất bản Tri Thức, Hà Nội, tr. 137 - 184.
- [3]. Trung tâm nghiên cứu Giới, Môi trường và Phát triển, Viện Dân tộc học (2003). *Hội thảo Hướng dựng đất ở vùng cao Việt Nam*, Hà Nội.

IMPROVING THE RIGHTS OF ETHNIC COMMUNITY IN MANAGEMENT OF COMMUNITY FORESTS: THE VALUES OF TRADITIONAL SPIRITUAL FORESTS

Ho Viet Hoang

Department of Vietnamese Studies, Hue University College of Foreign Languages

E-mail: viethoang.vnh@gmail.com

ABSTRACT

In the Co tu's society, village is a fundamental and unique social institution,, there is no organization larger or smaller than village. This characteristic of society is reflected through the role of the owner and the management of the village for all land and forest resources. In particular, community forest, a kind of public land, is owned by the village and is managed by customary law - a useful tool for ensuring the community ownership for this important resources. All members of community must obey the rules/sanctions of customary law. Along with the customary law and a higher customary law, the Co tu can aslo is "managed" by the "sacred goods" of the divine system (Yang). Relating to the ownership and management is a kind of spiritual forest resources, which includes many spiritual and material values.

Keywords: *Community forest, ghost forest, sacred forests, spiritual forests.*

